

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
QUẬN LÊ CHÂN  
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 53/2021/HNGĐ-ST  
Ngày 28-9-2021  
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN LÊ CHÂN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đào Thị Hương

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Nguyễn Thị Mai

Ông Nguyễn Văn Hạnh

**- T1 ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Thu Trang - T1 ký Toà án nhân dân quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:** Ông Bùi Tuấn Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 181/2021/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 6 năm 2021 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 661/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 8 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 735/2021/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 9 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Phan Đức M; nơi cư trú: Số 84/732 N, phường N, quận L, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- *Bị đơn:* Chị Phạm Thị Hồng T1; nơi cư trú: Số 84/732 N, phường N, quận L, thành phố Hải Phòng; có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết vụ dân sự xin ly hôn và bản tự khai, nguyên đơn anh Phan Đức M trình bày:

Anh và chị Phạm Thị Hồng T1 kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, được sự đồng ý của hai bên gia đình, đám cưới tổ chức theo phong tục Việt Nam. Anh chị có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh T ngày 18/9/2001. Sau khi kết hôn anh chị sống hòa thuận đến cuối năm 2018 thì phát sinh mâu

thuần, nguyên nhân do tính cách không hợp, bất đồng quan điểm dẫn đến việc vợ chồng thường xuyên xảy ra to tiếng cãi nhau. Hai bên gia đình đã khuyên ngăn hòa giải nhưng không có kết quả mà mâu thuẫn ngày càng trở lên trầm trọng. Mặc dù sống chung một nhà nhưng anh chị không còn quan hệ tình cảm vợ chồng. Anh chị đã giải quyết xong về tài sản chung của vợ chồng theo vi bằng số 306/2021/VB-TPLAB ngày 16/7/2021 tại Văn phòng thừa phát lại A. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, sống chung không có hạnh phúc, đề nghị Toà án giải quyết cho anh được ly hôn chị T1.

- Về con chung: Anh chị có hai con chung là Phan Ngọc Thùy A, sinh ngày 27/12/200P và Phan Ngọc Thùy D, sinh ngày 25/10/200T. Anh chị thỏa thuận con Phan Ngọc Thùy A đã thành niên, không yêu cầu Tòa án giải quyết; giao con Phan Ngọc Thùy D cho chị T1 trực tiếp nuôi. Anh đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con 2.000.000đồng/tháng đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung: Anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn - chị Phạm Thị Hồng T1 trình bày tại bản tự khai như sau:

Chị và anh Phan Đức M kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, được sự đồng ý của hai bên gia đình, đám cưới tổ chức theo phong tục Việt Nam. Anh chị có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh T ngày 18/9/2001. Sau khi kết hôn anh chị sống hòa thuận đến cuối năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do tính cách không hợp, bất đồng quan điểm và anh M cho rằng chị làm ra kinh tế coi thường chồng dẫn đến việc vợ chồng thường xảy ra to tiếng cãi nhau và không ai nói chuyện với nhau, việc ai người đó làm. Hai bên gia đình đã khuyên ngăn hòa giải nhưng không có kết quả mà mâu thuẫn ngày càng trở lên trầm trọng. Mặc dù sống chung một nhà nhưng anh chị không còn quan hệ tình cảm vợ chồng. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, đề nghị Tòa án hòa giải cho anh chị đoàn tụ. Trường hợp anh M cương quyết xin ly hôn thì Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

- Về con chung: Anh chị có hai con chung là Phan Ngọc Thùy A, sinh ngày 27/12/200P và Phan Ngọc Thùy D, sinh ngày 25/10/200T. Trường hợp phải ly hôn anh chị thỏa thuận con Phan Ngọc Thùy A đã thành niên, không yêu cầu Tòa án giải quyết; giao con Phan Ngọc Thùy D cho chị T1 trực tiếp nuôi. Anh M đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con 2.000.000đồng/tháng đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung: Anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, anh M giữ nguyên yêu cầu đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị T1.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; nguyên đơn đã thực hiện đúng, bị đơn chưa thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ, tham gia phiên tòa theo quy định của Bộ luật Tố

tụng dân sự và đề nghị Hội đồng xét xử, xử: Về quan hệ hôn nhân: Anh Phan Đức M được ly hôn chị Phạm Thị Hồng T1. Về việc nuôi con: Con chung Phan Ngọc Thùy Anh, sinh ngày 27/12/2000P đã thành niên, không yêu cầu Tòa án giải quyết; giao con chung Phan Ngọc Thùy D, sinh ngày 25/10/2000T cho chị T1 nuôi và anh M đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Về việc chia tài sản: Anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết. Về án phí: Anh M phải nộp án phí dân sự sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng dân sự:

[1] Đây là vụ án tranh chấp về ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn chị Phạm Thị Hồng T1 cư trú trên địa bàn quận Lê Chân nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Lê Chân theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Ngày 20 tháng 8 năm 2021, Tòa án đã ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 661/2021/QĐXXST-HNGĐ và đã tổng đạt hợp lệ quyết định trên cho chị T1 nhưng tại phiên toà ngày 09/9/2021 chị T1 vắng mặt lần thứ nhất, không có lý do. Hội đồng xét xử đã ra Quyết định hoãn phiên toà số 735/2021/QĐST-HNGĐ trong đó ấn định phiên toà được mở lại vào hồi 08 giờ 00 phút ngày 28/9/2021 Tòa án đã tổng đạt hợp lệ quyết định hoãn phiên toà cho chị T1. Tại phiên toà hôm nay, bị đơn chị T1 tiếp tục vắng mặt lần thứ hai, không có lý do. Vì vậy, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung:

+ Về quan hệ hôn nhân:

[3] Anh Phan Đức M và chị Phạm Thị Hồng T1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh T ngày 27/12/2002. Vì vậy, hôn nhân giữa anh M và chị T1 là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại khoản 1 Điều 8, khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình. Quá trình chung sống anh chị chung sống hòa thuận đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính cách không hợp, bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung dẫn đến việc vợ chồng xảy ra cãi nhau. Mặc dù sống chung một nhà nhưng vợ chồng không còn quan hệ tình cảm vợ chồng. Anh chị đã giải quyết xong về tài sản chung của vợ chồng tại Văn phòng thừa phát lại An Biên. Toà án đã tiến hành hoà giải 02 lần nhưng chị T1 đều vắng mặt thể hiện không thiện chí kết hợp với Toà án để hoà giải việc đoàn tụ gia đình.

[4] Qua xác M, thu thập chứng cứ thể hiện nguyên nhân mâu thuẫn chính là do tính cách không hợp, bất đồng quan điểm dẫn đến việc vợ chồng xảy ra cãi nhau. Hai bên gia đình đã khuyên ngăn hòa giải nhưng không có kết quả mà mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trở lên trầm trọng. Quan điểm của địa phương, gia đình xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể đoàn tụ được đề nghị Toà án giải quyết cho anh M được ly hôn chị T1. Xét mâu thuẫn giữa anh M và chị T1 đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh M đối với chị T1.

+ Về việc nuôi con:

[5] Anh chị có hai con chung là Phan Ngọc Thùy A, sinh ngày 27/12/200P và Phan Ngọc Thùy D, sinh ngày 25/10/200T. Ly hôn anh chị thỏa thuận con Phan Ngọc Thùy A đã thành niên, không yêu cầu Tòa án giải quyết; giao con Phan Ngọc Thùy D cho chị T1 nuôi và anh M đóng góp cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng. Xét thỏa thuận trên là tự nguyện phù hợp với quy định của pháp luật và cháu D cũng có nguyện vọng ở với mẹ nên cần áp dụng Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận sự thỏa thuận về việc nuôi con của anh M và chị T1. Anh M đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con là 2.000.000 đồng/tháng kể từ tháng 10 năm 2021 cho đến khi con đủ 18 tuổi.

+ Về việc chia tài sản:

[6] Anh Phan Đức M và chị Phạm Thị Hồng T1 tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề giải quyết.

- Về án phí:

[7] Anh Phan Đức M phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

- Về quyền kháng cáo:

[8] Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Phan Đức M và chị Phạm Thị Hồng T1.

- Về việc nuôi con: Con Phan Ngọc Thùy A đã thành niên, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Giao con chung Phan Ngọc Thùy D, sinh ngày 25/10/200T cho chị Phạm Thị Hồng T1 trực tiếp nuôi đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Anh Phan Đức M có trách nhiệm đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con là 2.000.000 (Hai triệu) đồng/tháng, kể từ tháng 10 năm 2021 cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về việc chia tài sản: Anh Phan Đức M và chị Phạm Thị Hồng T1 tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề giải quyết.

- Về án phí: Anh Phan Đức M phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí cấp dưỡng nuôi con, tổng cộng là 600.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0014442 ngày 02/6/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng. Anh Phan Đức M còn phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Quyền kháng cáo đối với bản án: Anh Phan Đức M được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Chị Phạm Thị Hồng T1 được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- VKSND quận Lê Chân;
- Chi cục THADS quận Lê Chân;
- UBND xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình (ĐKKH ngày 18/9/2001).
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đào Thị Hương**



























































